

Trợ từ động thái

đúc kết công thức



HICADO

(1) 他在学校门口站着。

Tā zài xuéxiào ménkǒu zhànzhe.

(2) 门开着没有？

Mén kāizhe méiyǒu?

(3) 八点上课，时间还早呢。

Bā diǎn shàngkè, shíjiān hái zǎo ne.

(4) 别走了，外面下着雨呢。

Bié zǒu le, wàimiàn xiàzhe yǔ ne.

